

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

\*\*\*

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 4/5/2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

\* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

\* Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

2/ Ông Trần Xuronne.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 4/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2021 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/03/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thanh T, sinh năm 1985

HKTT: Số C, ấp Đ, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số A, ấp Đ, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn P, sinh năm 1985

HKTT: Số C, ấp Đ, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2021, nguyên đơn bà Lý Thanh T trình bày: Vào năm 2001, bà với ông Lê Văn P cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, cho đến nay ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống ông, bà có một người con chung là cháu Lê Thị Anh T, sinh ngày 22/02/2002, hiện nay đang sống với bà. Do chồng bà làm ăn xa nên có quen với nhiều phụ nữ khác, gần đây bà và gia đình bắt gặp ông P đang chung sống với người phụ nữ khác tại thị trấn A, huyện K.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà với ông P là vợ chồng; cháu T đã trưởng thành; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Lê Văn P đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Ông Lê Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bà T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông P nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[3] Về hôn nhân: Bà Lý Thanh T và ông Lê Văn P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng cho đến nay ông, bà không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì trường hợp *“nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết; từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*. Vì vậy, việc bà T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà với ông P là vợ chồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông P có một người con chung là chị Lê Thị Anh T, sinh ngày 22/02/2002, hiện nay đang sống với bà T. Chị T đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, bà T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông P không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau này các bên có tranh chấp và có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu là 300.000 đồng theo khoản 4 Điều 147 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thanh T.

1/. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ giữa bà Lý Thanh T với ông Lê Văn P là vợ chồng.

2/. Về con chung: Bà Lý Thanh T và ông Lê Văn P có một con chung là chị Lê Thị Anh T, sinh ngày 22/02/2002, đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Lý Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0008847 ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thạch Viết Tâm**